

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI HÌNH DỊCH VỤ - QUẢNG CÁO TRÊN SÓNG TRUYỀN HÌNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 258/QĐ-PTTH ngày 05/11/2020 của Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình BR-VT có hiệu lực từ ngày 01/01/2021).

I. ĐƠN GIÁ

1. ĐƠN GIÁ PHÁT SÓNG QUẢNG CÁO (TVC):

ĐVT: 1.000 đồng

| Ký Hiệu | Thời gian | Tên chương trình | Đơn giá / thời lượng QC | | | | |
|----------|--|--|-------------------------|--------|--------|--------|--------|
| | | | 5" | 10" | 15" | 20" | 30" |
| A | Từ 06h30 đến trước 12h00 (Từ thứ 2 đến CN). | | | | | | |
| A1 | 06h00 - 06h45 | Trước hoặc sau thời sự BRT 06h00 | 3.000 | 5.000 | 6.000 | 8.000 | 12.000 |
| A2 | 06h50 – 07h45 | Trước hoặc sau phim Nước ngoài 06h50 | 3.000 | 5.000 | 6.000 | 8.000 | 12.000 |
| A3 | 07h20–07h25 | Giữa phim Nước ngoài 07h00 | 4.000 | 6.000 | 8.000 | 11.000 | 16.000 |
| A4 | 07h40 - 09h55 | Trước hoặc sau các chuyên mục, CT Giải trí | 4.000 | 6.000 | 8.000 | 11.000 | 16.000 |
| A5 | 10h00 - 10h50 | Trước hoặc sau phim Việt Nam 10h00 | 5.000 | 7.000 | 9.000 | 14.000 | 18.000 |
| A6 | 10h20 - 10h30 | Giữa phim Việt Nam 10h00 | 6.000 | 8.000 | 11.000 | 16.000 | 22.000 |
| A7 | 10h50 – 11h30 | Trước hoặc sau các chuyên mục, CT Giải trí | 5.000 | 7.000 | 9.000 | 14.000 | 18.000 |
| A8 | 11h30 – 11h50 | Trước hoặc sau TS. Hòa nhịp Phát triển | 6.000 | 8.000 | 11.000 | 16.000 | 22.000 |
| B | Từ 12h00 đến trước 19h00 (Từ thứ 2 đến CN). | | | | | | |
| B1 | 12h00 - 12h50 | Trước hoặc sau phim Nước ngoài 12h00 | 7.000 | 9.000 | 12.000 | 17.000 | 24.000 |
| B2 | 12h20 - 12h30 | Giữa phim Nước ngoài 12h00 | 8.000 | 10.000 | 14.000 | 20.000 | 28.000 |
| B3 | 13h00 – 14h00 | Trước hoặc sau các CM, CT giải trí khác | 6.000 | 8.000 | 11.000 | 16.000 | 22.000 |
| B4 | 14h00 - 14h50 | Trước hoặc sau phim Việt Nam 14h00 | 6.000 | 8.000 | 11.000 | 16.000 | 22.000 |
| B5 | 14h20 - 14h30 | Giữa phim Việt Nam 14h00 | 7.000 | 9.000 | 12.000 | 17.000 | 24.000 |

| Ký Hiệu | Thời gian | Tên chương trình | Đơn giá / thời lượng QC | | | | |
|-----------|--|--|-------------------------|--------|--------|--------|--------|
| | | | 5" | 10" | 15" | 20" | 30" |
| B6 | 14h50 - 17h00 | Trước hoặc sau các CM, CT giải trí khác | 6.000 | 8.000 | 11.000 | 16.000 | 22.000 |
| B7 | 17h00 - 17h50 | Trước hoặc sau phim Nước ngoài 17h00 | 8.000 | 10.000 | 14.000 | 20.000 | 28.000 |
| B8 | 17h20 - 17h30 | Giữa phim Nước ngoài 17h00 | 10.000 | 12.000 | 16.000 | 24.000 | 32.000 |
| B9 | 17h50 - 18h00 | Trước hoặc sau các CT khác | 10.000 | 12.000 | 16.000 | 24.000 | 32.000 |
| B10 | 18h00 - 18h05 | Trước hoặc sau Bản tin 5 phút | 10.000 | 12.000 | 16.000 | 24.000 | 32.000 |
| B11 | 18h05 - 18h25 | Trước hoặc sau các Bản tin, Chuyên mục, CT giải trí.... | 10.000 | 12.000 | 16.000 | 24.000 | 32.000 |
| B12 | 18h25 - 18h30 | Trước thời sự BRT 18h30 | 11.500 | 13.500 | 18.000 | 26.000 | 35.000 |
| V | Từ 19h45 đến trước 23h00 (Từ thứ 2 đến CN) | | | | | | |
| V1 | 19h40 - 19h45 | Sau TS.VTV | 11.000 | 13.000 | 20.000 | 26.000 | 40.000 |
| V2 | 19h45 - 20h00 | Trước hoặc sau Sitcom hài | 11.000 | 13.000 | 20.000 | 26.000 | 40.000 |
| V3 | 19h50 - 19h55 | Giữa Sitcom hài | 12.000 | 17.000 | 24.000 | 34.000 | 48.000 |
| V4 | 20h00 - 20h45 20h00 - 22h00 | Trước hoặc sau phim Việt Nam 20h00, T.Show, G. Show, THPT, Tiếp sóng ... | 11.000 | 13.000 | 20.000 | 26.000 | 40.000 |
| V5 | 20h25 - 20h30 20h45 - 21h00 | Giữa phim Việt Nam 20h00, T.Show, Game Show, THPT, Tiếp sóng trực tiếp... | 12.000 | 17.000 | 24.000 | 34.000 | 48.000 |
| V6 | 20h45 - 21h00 | Trước hoặc sau các CT khác | 11.000 | 13.000 | 20.000 | 26.000 | 40.000 |
| V7 | 21h00 - 21h45 | Trước hoặc sau phim Nước ngoài 21h00 (Thứ 2 - Thứ 7), CT Giải trí (Chủ nhật) | 11.000 | 13.000 | 20.000 | 26.000 | 40.000 |
| V8 | 21h20 - 21h30 | Giữa phim Nước ngoài 21h00 (Thứ 2 - Thứ 7), CT Giải trí (Chủ nhật) | 12.000 | 17.000 | 24.000 | 34.000 | 48.000 |
| V9 | 21h50 - 22h30 | Trước hoặc sau CT khác | 11.000 | 13.000 | 20.000 | 26.000 | 40.000 |
| KK | Từ 22h30 đến trước 05h00 (Từ thứ 2 đến CN). | | | | | | |
| KK | 22h30 - 05h00 | Trước, giữa, sau phim khuya và các chương trình giải trí khác | 5.000 | 7.000 | 9.000 | 11.000 | 14.000 |

Ghi chú:

- Giá trên đã bao gồm thuế GTGT.
- Chọn vị trí đặc biệt: cộng thêm **05%** trên đơn giá thời lượng phát sóng (giá trị này không được giảm giá).
- Các TVC quảng cáo được tính theo mức chuẩn: 05 giây, 10 giây, 15 giây, 20 giây, 30 giây, 35 giây (30+5), 40 giây (30+10)...
- Các TVC quảng cáo có thời lượng cao hơn mức chuẩn sẽ được tính theo giá của mức chuẩn có thời lượng kế tiếp.
- Thời gian quảng cáo theo mã giờ khách hàng đăng ký có thể dao động trong khoảng thời gian từ 03 đến 05 phút.
- Các chương trình xã hội hóa, hỗ trợ tuyên truyền, tài trợ, hợp tác, trao đổi khoán thời lượng, cung cấp chương trình, sản phẩm mới và các trường hợp khác...do Giám đốc Đài thỏa thuận với khách hàng về mức giá theo từng hợp đồng cụ thể.
- Một số chương trình đặc biệt áp dụng theo giá thông báo riêng.
- Bảng giá có thể thay đổi trong quá trình thực hiện, bằng thông báo giá.

2. ĐƠN GIÁ PHÁT SÓNG THÔNG BÁO, RAO VẬT:

DVT: đồng/âm đọc

| | | |
|---|--|--------------------|
| 1. Thông báo mang tính kinh doanh, quảng cáo (tuyển sinh, tuyển dụng, mời thầu, hội thảo, họp mặt, thông tin chuyên đổi trụ sở, mất giấy CNQSDĐ,...). | | |
| - Buổi sáng (10h25 - 10h35) | 01 chữ (hoặc số) | 10.000 |
| - Buổi chiều (16h50 - 17h00) | 01 chữ (hoặc số) | 10.000 |
| - Buổi tối (18h00; 18h25 - 18h30) | 01 chữ (hoặc số) | 12.000 |
| - Hình ảnh minh họa (chỉ tính 01 lần) | Hình tĩnh (file do khách hàng cung cấp) | 300.000 |
| 2. Thông báo mang tính chất nhân đạo, xã hội (Nhắn tin, cáo phó, mất giấy tờ tùy thân, tìm người thân...) | Tối đa không quá 200 từ | 300.000 đ/lần phát |
| | Tối đa không quá 01 trang A4 | 500.000 đ/lần phát |
| 3. Cảm tạ | Tối đa không quá 200 từ | 500.000 đ/lần phát |
| | Tối đa không quá 01 trang A4 | 700.000 đ/lần phát |

- Đối với các khách hàng là các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trực tiếp ký hợp đồng phát sóng thông báo mang tính kinh doanh thì được hưởng tỷ lệ giảm giá như sau:

- + Giá trị hợp đồng từ 50 triệu – dưới 100 triệu đồng: tỷ lệ giảm giá 10 %.
- + Giá trị hợp đồng từ 100 triệu đồng trở lên: tỷ lệ giảm giá 15 %.

3. ĐƠN GIÁ PHÁT SÓNG TỰ GIỚI THIỆU: Là những chương trình có độ dài từ **02 phút** đến không quá **05 phút** giới thiệu sơ lược về hoạt động của doanh nghiệp;

tính năng của sản phẩm, công nghệ, quy trình sản xuất ... của doanh nghiệp. Khung giờ phát sóng phải dựa vào khung chương trình cụ thể của Đài. Trường hợp đặc biệt, những mẫu Tự giới thiệu có thời lượng dưới 02 (hai) phút được xem là Tự giới thiệu thì phải có sự phê duyệt của Giám đốc Đài

ĐVT: đồng/ phút

| STT | Thời gian | Đơn giá/01 phút |
|-----|---|-----------------|
| 1 | Buổi sáng (06h00 – 11h50) | 2.500.000 |
| 2 | Buổi trưa hoặc chiều (12h00 – 17h50) | 3.000.000 |
| 3 | Buổi tối (18h00 – 22h00) | 8.000.000 |
| 4 | Sau 22h00 | 2.000.000 |

- Đối với các khách hàng là các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trực tiếp ký hợp đồng phát sóng chương trình tự giới thiệu thì được hưởng tỷ lệ chiết khấu như sau:

- + Phát lần 2: 10% (mười phần trăm) trên đơn giá.
- + Phát lần 3: 20% (hai mươi phần trăm) trên đơn giá.
- + Phát lần 4: 30% (ba mươi phần trăm) trên đơn giá.
- + Phát từ lần 5 trở lên: 40% (bốn mươi phần trăm) trên đơn giá.

4. ĐƠN GIÁ KEY LOGO, POPUP, CHẠY CHỮ, PANEL, HÌNH GẠT:

ĐVT: đồng

| Thời gian | Chương trình | 05 giây | 10 giây |
|--------------------------|--|-----------|-----------|
| Từ 06h45 đến trước 11h30 | Trước; giữa; sau các chương trình giải trí hoặc phim | 500.000 | 800.000 |
| Từ 12h00 đến trước 18h30 | | 1.000.000 | 1.500.000 |
| Từ 19h45 đến 22h00 | | 2.000.000 | 3.000.000 |

- **LOGO** là logo thương hiệu hoặc hình ảnh thương hiệu của đơn vị hoặc sản phẩm được thiết kế với diện tích quảng cáo = 1/8 chiều cao màn hình và có thời lượng 10 giây.

- **POPUP** là một dạng quảng cáo logo dưới chân màn hình có kích thước từ 1/8 đến 1/7 màn hình có nội dung và hình ảnh của đơn vị quảng cáo. Hình thức này chạy trực tiếp trong chương trình, không phải gián đoạn, cắt cảnh, người xem có thể cùng lúc theo

đổi diễn biến của chương trình truyền hình cũng như nội dung quảng cáo và có thời lượng 10 giây.

- **Chạy chữ:** là hình thức chạy nội dung thông điệp dưới chân màn hình khi chương trình đang phát sóng.

- **PANEL** là băng hình quảng cáo tín hiệu có thời lượng 5s (thường có nội dung là hình ảnh, thông tin và slogan của đơn vị quảng cáo) được áp dụng theo bảng giá quảng cáo TVC truyền hình.

- **HÌNH GẠT** là dạng quảng cáo băng hình có thời lượng 03-05 giây (thường không có phần lời mà chỉ có hình ảnh và nhạc hiệu) được tính bằng 01TVC 5s tại thời điểm phát sóng.

5. ĐƠN GIÁ PHÁT SÓNG TIN, PHÓNG SỰ, TRAILER,....:

ĐVT: đồng

| STT | Tên chương trình | Thời điểm | TL | Đơn giá |
|-----|---|----------------|---------|-----------|
| 1 | Tin: khai trương, khởi công, họp báo, hội nghị,...(do đơn vị cung cấp file hoàn chỉnh không mang tính quảng cáo). | Bản tin TS.BRT | 01 phút | 6.000.000 |
| 2 | Trailer, phóng sự, tư liệu, phim tài liệu (không mang tính quảng cáo; phục vụ chính trị hoặc cảnh báo xa vì sức khỏe của cộng đồng và lợi ích chung của XH; các ngành nghề kinh tế mang tính đặc thù của địa phương...) | 07h00 - 18h30 | 01 phút | 1.500.000 |
| | | 19h45 - 22h30 | | 2.000.000 |
| 3 | Trailer, phóng sự, tư liệu, phim tài liệu (mang tính quảng cáo hoạt động sản xuất, kinh doanh...do đơn vị cung cấp sản phẩm hoàn chỉnh) | 07h00 - 18h30 | 01 phút | 2.500.000 |
| | | 19h45 - 22h30 | | 3.000.000 |

6. ĐƠN GIÁ TRUYỀN HÌNH TRỰC TIẾP, TIẾP SÓNG TRỰC TIẾP, THU PHÁT LẠI, LIVE STREAM :

ĐVT: đồng

| THỜI GIAN PHÁT SÓNG | THỜI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH | | |
|---|-------------------------|-------------------|--------------------|
| | Từ 30 - 60 phút | Trên 60 - 90 phút | Trên 90 - 120 phút |
| 1. Truyền hình trực tiếp (chưa tính phí thuê xe màu và thuê bao đường truyền nếu có) | | | |
| Từ 07h00 - 11h30 | 30.000.000 | 50.000.000 | 70.000.000 |
| Từ 12h00 - 18h30 | 50.000.000 | 70.000.000 | 90.000.000 |
| Từ 19h00 - 22h30 | 100.000.000 | 150.000.000 | 180.000.000 |

| | | | |
|---|--------------------------------|-------------------|---|
| 2. Tiếp sóng trực tiếp (chưa tính phí thuê bao đường truyền nếu có) | | | |
| Từ 07h00 - 11h30 | 20.000.000 | 30.000.000 | 40.000.000 |
| Từ 12h00 - 18h30 | 30.000.000 | 40.000.000 | 50.000.000 |
| Từ 19h00 - 22h30 | 60.000.000 | 70.000.000 | 80.000.000 |
| 3. Thu phát lại | | | |
| Từ 07h00 - 11h30 | 10.000.000 | 15.000.000 | 20.000.000 |
| Từ 12h00 - 18h30 | 15.000.000 | 20.000.000 | 25.000.000 |
| Từ 19h00 - 22h30 | 30.000.000 | 40.000.000 | 50.000.000 |
| 4. Tọa đàm tư vấn tuyển sinh trực tiếp, khuyến nông | | | |
| THỜI GIAN PHÁT SÓNG | THỜI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH | | |
| | Từ 30 - 60 phút | Trên 60 - 90 phút | Trên 90 - 120 phút |
| Từ 07h00 - 11h30 | 15.000.000 | 25.000.000 | chưa tính phí thuê xe màu và thuê bao đường truyền nếu có |
| Từ 12h00 - 17h00 | 20.000.000 | 30.000.000 | |
| 5. Đơn giá live stream (chưa tính phí thuê xe màu và thuê bao đường truyền nếu có) | | | |
| Từ 07h00 - 18h30 | 15.000.000 | 20.000.000 | 25.000.000 |
| Từ 19h00 - 22h30 | 20.000.000 | 25.000.000 | 30.000.000 |

Ghi chú:

- Nếu đơn vị thực hiện truyền hình trực tiếp và phát sinh phát thanh trực tiếp, đơn giá sẽ được cộng thêm 10 % giá dịch vụ của đơn giá truyền hình trực tiếp tại cùng thời điểm.

- Trong một số trường hợp đặc biệt khác, tùy theo tính chất, nội dung, kịch bản của từng chương trình cụ thể, đơn giá thực hiện THPT, tiếp sóng trực tiếp hoặc thu phát lại...sẽ do Giám đốc Đài quyết định tỷ lệ chiết khấu (tối đa không quá 50 %).

- Đơn giá trên chưa bao gồm chi phí thiết kế background và trang trí trong trường hợp thực hiện THPT; thu phát lại hoặc tọa đàm tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại phim trường của Đài.

- Quảng cáo trong chương trình tọa đàm tư vấn tuyển sinh trực tiếp thì tính thêm chi phí theo đơn giá tại thời điểm phát sóng và được chiết khấu 40%.

7. ĐƠN GIÁ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG HỖ TRỢ, TUYÊN TRUYỀN:

Tùy theo nguồn kinh phí do ngân sách phân bổ cho khách hàng, hai bên sẽ thỏa thuận giá trị hợp đồng trên nguyên tắc thu đủ bù chi. Đài sẽ hỗ trợ một phần chi phí thực hiện và Giám đốc Đài quyết định mức giá thực hiện hợp đồng.

8. ĐƠN GIÁ THỰC HIỆN TIN, PHÓNG SỰ, TỰ GIỚI THIỆU, TVC QUẢNG CÁO:

ĐVT: đồng/phút

| STT | Thể loại | TL | Đơn giá | Ghi chú |
|-----|--|---|--------------------------|----------------------------------|
| 1 | Tin thường (gồm chi phí quay tin và 1 DVD làm CNPS; ngoài tỉnh cộng thêm chi phí phát sinh thực tế) | 1 phút | 7.000.000 | Phát sóng 01 lần vào Thời sự tối |
| 2 | Tin có thu phát biểu (gồm chi phí quay tin và 1 DVD làm CNPS; ngoài tỉnh cộng thêm chi phí phát sinh thực tế) | 1'30'' - 2' 00 | 10.000.000 - 12.000.000 | Phát sóng 01 lần vào Thời sự tối |
| 3 | Phóng sự thường (gồm 01 lần phát sóng) | Tối thiểu 5 phút | 6.000.000 | Ngoài tỉnh cộng thêm phí thực tế |
| 4 | Phóng sự tài liệu (đã bao gồm đồ họa 3D, thiết bị Effect, 01 lần phát sóng) | Từ 10 - 20 phút | 7.000.000 | |
| 5 | Phim tài liệu (đã bao gồm đồ họa 3D; biên tập, hậu kỳ và phát sóng 01 lần) | 15 – 25 phút/tập | 150.000.000 -250.000.000 | |
| | | Từ tập thứ 3 trở lên giảm 20% trên giá chuẩn 01 tập | | |
| 6 | Tư liệu tại BRVT (bao gồm biên tập, hậu kỳ) | 1 phút | 6.000.000 | |
| 7 | Video clip tự giới thiệu sản phẩm, công nghệ, quy trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, về khả năng tài chính, quản lý, đầu tư... của doanh nghiệp (gồm biên tập, hậu kỳ; chưa gồm chi phí phát sóng) | 1 phút | 7.000.000 | |
| 8 | TVC quảng cáo có kỹ xảo đồ họa (chưa gồm chi phí phát sóng) | 15 – 30 giây | 50.000.000 - 70.000.000 | |

9. ĐƠN GIÁ THỰC HIỆN CÁC DỊCH VỤ KHÁC:

ĐVT: đồng

| STT | Thể loại | TL | Đơn giá | Ghi chú |
|-----|--|---------|-----------|---------|
| 1 | Thực hiện biên tập và đọc thuyết minh (đã gồm KTV dựng): | | | |
| | - Tin quảng bá | 01 phút | 1.500.000 | |
| | - Phóng sự kinh tế, chuyên luận, tin nhanh... | | | |
| 2 | Thực hiện lồng nhạc, đọc thuyết minh, lồng tiếng quảng cáo: | | | |
| | - Quảng cáo, tự giới thiệu... (Nội địa) | 01 | 2.000.000 | |

| | | | | |
|---|---|---------|------------|----------------|
| | - Quảng cáo, tự giới thiệu... (Nước ngoài, liên doanh) | phút | 3.000.000 | |
| 3 | Các dịch vụ khác : | | | |
| | - Dịch thuật, biên tập từ tiếng Việt sang tiếng Anh, Hoa... và ngược lại | 01 phút | 1.000.000 | |
| | - Thuê MC dẫn chương trình, xuất hiện hình... (ngoài tính cộng thêm chi phí và phương tiện đi lại cho MC) | giờ | 2.000.000 | |
| | - Quay tư liệu (không gồm biên tập, thuyết minh, KTV dựng) | giờ | 1.500.000 | |
| 4 | In sang tư liệu (đã phát trên sóng BRT): | | | |
| | - Phóng sự ngắn (3' - 5'), chuyên mục (5' - 10') | phút | 70.000 | đồng/phút |
| | - Tư liệu tuyên truyền cho các ngành | phút | 100.000 | đồng/phút |
| | - Thông báo, tin nhanh (khai trương, hội nghị, khởi công...). | phút | 300.000 | Tối đa 03 phút |
| | - Phóng sự, chuyên mục, Các chương trình văn nghệ, GT khác (>15') | phút | 800.000 | Tối đa 30 phút |
| 5 | Các dịch vụ khác: | | | |
| | - Logo sân khấu (Các chương trình định kỳ) | kỳ | 10.000.000 | |
| | - Logo sân khấu (Các chương trình lẻ, trực tiếp) | kỳ | 25.000.000 | |
| | - Bật góc (10"/lần) | kỳ | 1.000.000 | |
| | - Logo xoay dưới chân màn hình (tỷ lệ 1/8) được tính bằng 01 TVC 5" tại thời điểm phát sóng | | | |

10. BẢN QUYỀN CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH:

- Đơn giá các chuyên mục, chuyên đề, chương trình văn nghệ có bản quyền thuộc Đài thì đơn giá sẽ được thỏa thuận tùy từng chương trình cụ thể.

- Thời hạn phát sóng trên 01 kênh: trong vòng 01 năm kể từ khi ký hợp đồng. Đơn giá bản quyền được sử dụng vào mục đích khác (in sang băng, đĩa bán rộng rãi, phát trên internet...) do hai bên thỏa thuận.

II. QUY ĐỊNH CHUNG:

1. Quy định về tỷ lệ chi hoa hồng môi giới, chi hỗ trợ hoạt động tạo nguồn thu Dịch vụ - Quảng cáo và tỷ lệ trao đổi sóng quảng cáo được áp dụng theo Quy định do giám đốc Đài phê duyệt kèm theo Quyết định số 114/QĐ-PTTH ban hành ngày 20 tháng 4 năm 2017.

2. Các thông báo mang tính kinh doanh, quảng cáo (đấu giá, khởi công, mời thầu, khai trương, khuyến mãi...), ngoài khung giờ cố định nếu có nhu cầu phát sóng vào các khung giờ vàng (19h40 - 21h50), sẽ được tính theo đơn giá TVC quảng cáo tại cùng thời điểm.

3. Các hợp đồng mang tính chất phục vụ chính trị, vì sức khỏe cộng đồng và lợi ích chung của xã hội; quảng bá các ngành nghề kinh tế mang tính đặc thù của địa

phương,...chi phí thực hiện được áp dụng đơn giá hỗ trợ hoặc miễn giảm do Giám đốc quyết định trên cơ sở đề xuất của Phòng Dịch vụ - Quảng cáo.

4. Tùy theo tính chất cụ thể từng hợp đồng phối hợp khai thác dịch vụ, quảng cáo, Giám đốc Đài quyết định mức chiết khấu cho phù hợp với hoạt động phối hợp khai thác nguồn thu, mang lại hiệu quả doanh thu của đơn vị, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

5. Nội dung cáo phó phải có giấy chứng tử của Cơ quan chính quyền địa phương cấp. Trường hợp mất giấy tờ (giấy tờ thông thường), tìm người thân, tìm thân nhân cho trẻ bị bỏ rơi...phải có xác nhận của chính quyền địa phương; hộ nghèo (có giấy xác nhận của địa phương); trường hợp mất giấy CNQSDĐ phải có xác nhận của Sở/Phòng Tài nguyên Môi trường,...

6. Ưu tiên phát sóng miễn phí trên sóng Phát thanh hoặc Truyền hình cho các trường hợp sau:

- Miễn phí 01 lần phát sóng (cảm tạ hoặc cáo phó) đối với các đối tượng: CB lão thành Cách mạng; Đảng viên huy hiệu từ 30 năm tuổi Đảng trở lên; Mẹ VNAH, Gia đình Thương binh, Liệt sĩ (có giấy xác nhận của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thành ủy, Huyện ủy); Hộ nghèo (có giấy xác nhận của địa phương); Người thân của CBCCV và NV Đài; CB Lãnh đạo hoặc người thân của CB Lãnh đạo thuộc các Sở, Ban, Ngành.

- Miễn phí tối đa 03 lần phát sóng trên sóng Phát thanh hoặc Truyền hình đối với trường hợp tìm thân nhân cho trẻ bị bỏ rơi (theo quy định).

7. Riêng đối với các nhóm thuộc quan hệ đối ngoại (đã cộng tác với Đài hoặc hỗ trợ cho CBCCV Đài trong quá trình tác nghiệp...), các Phòng liên quan chủ động đề xuất miễn giảm (tối đa không quá 02 lần) và trình Giám đốc Đài xem xét, phê duyệt.

8. Các thông báo mang tính đột xuất cảnh báo vấn đề có thể gây nguy hiểm, ảnh hưởng đến cộng đồng xã hội hoặc phát sinh đặc biệt...hình thức hỗ trợ hoặc miễn giảm sẽ do Giám đốc quyết định.

9. Các thủ tục pháp lý khi đăng ký quảng cáo:

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động quảng cáo trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ theo đúng các qui định của Luật quảng cáo hiện hành.

- Các nội dung quảng cáo phải đảm bảo tính văn hóa, nghệ thuật và phù hợp với qui định của Pháp luật Việt Nam.

10. Đối với các loại hình tài trợ sản xuất chương trình thì giá trị quy đổi để trả cho nhà tài trợ sẽ do Giám đốc Đài quyết định tùy vào từng chương trình cụ thể và từng mức giá tài trợ cụ thể.

11. Tất cả các hình thức quảng cáo đều không được phát vào giữa các chương trình Thời sự chính trên sóng Phát thanh và Truyền hình, truyền hình trực tiếp về các sự kiện chính trị đặc biệt, kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc.

12. Tùy thuộc vào tình hình thực tế, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ thay đổi đơn giá phù hợp với từng thời điểm. Khi có điều chỉnh, Đài sẽ thông báo cụ thể bằng văn bản cho khách hàng trước 15 ngày khi áp dụng bảng giá mới.

13. Những trường hợp không có quy định trong Bảng giá này sẽ do Giám đốc Đài quyết định.

14. Giá trên đã bao gồm thuế GTGT./.

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 05 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Thân